

KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2023-2024

TT	Họ và tên	HKI	HKII	CN	XẾP LOẠI VC	THÀNH TÍCH CẢ NĂM
1	Nguyễn Viết Tuyên				HTXS	
2	Đỗ Thị Mai				HTXS	đạt Sáng kiến kinh nghiệm cấp thành phố
3	Lê Thị Thuỳ Hương				HTT	đạt Sáng kiến kinh nghiệm cấp thành phố
4	Ngô Thị Lưu	107.35	114.25	110.8	HTXS	GVCNG, 8 HSGTP(1nhất,1N,3B,3KK), Robocon, 8 HSG Olympic(3V5Đ)
5	Nguyễn Thị Trang	106.6	111	108.8	HTXS	GVCNG, KHKTTP, HSG violympic QG 1Đ, SK, 8 HSG Olympic 1V1B6Đ
6	Nguyễn Thị Lý	105.5	111.5	108.5	HTXS	HS thi Olympic Sử 8: 1HCV, 1HCB, 1 HCĐ, KHKT cấp TP, GVCN giỏi cấp TP, Sáng kiến cấp TP
7	Nguyễn Thị Hoa	102.75	113.75	108.25	HTXS	GVCNG, KHKT tỉnh, SK
8	Nguyễn Thị Phiến	102	113.5	107.75	HTXS	KHKT cấp tỉnh, hướng dẫn hs thi STTTNNĐ cấp tỉnh, ATGT cấp quốc gia, SK cấp TP
9	Lê Đình Vĩnh	105.6	109.875	107.7375	HTXS	GVCNG, 8 HSGTP(1N,1NHI,2B,4KK), 7 HSG Olympic 2B5Đ
10	Lưu Thị Phương	102.5	112.5	107.5	HTXS	GVCNG, KHKTTP, SK, HM
11	Tổng Thị Thúy	102	111.85	106.925	HTXS	GVCN giỏi cấp TP, SK cấp TP, HSG Violympic Toán Tiếng Việt cấp quốc gia có 3 giải(1 đồng, 2 KK)
12	Trương Thị Quyên	102.55	110	106.275	HTXS	gv hướng dẫn hs đạt cấp quốc gia thi ATGT(giải 3),đạt 3 điểm KHKT cấp TP(giải tư),1 điểm hdhs thi BLHĐ (Giải KK), đạt sáng kiến cấp TP, hướng dẫn HS kể chuyện theo sách giải KK năm 2023
13	Nguyễn Văn Tường	101.75	110.55	106.15	HTXS	GVCN giỏi, SK cấp TP, hỗ trợ hs thi Robocol
14	Phạm Thị Bích Liên	103	109	106	HTXS	Đạt SK cấp TP/ IOE khối 8: cấp Tỉnh (4 Nhất/ 9 Nhì/ 10 Ba/13 KK)/ IOE cấp Quốc Gia (2 Bạc/ 1 Đồng / 1KK)

15	Vũ Thị Ngọc	102	110	106	HTXS	Tham gia KHKT(1đ), GVCN giỏi cấp TP (5đ), đạt sáng kiến cấp TP
16	Phan Thị Kim Thương	102.35	109.25	105.8	HTXS	GVCNG, KHKTTP
17	Bùi Thị Minh	102	109.54	105.77	HTXS	GVCN giỏi cấp TP, Sáng kiến cấp TP, GVHD kể chuyện theo sách đạt giải 3 năm 2024
18	Trần Thị Hoài Diệu	103.83	107.45	105.64	HTXS	6 HSGTP (1NHI,1B4KK), SK, 8 HSG Olympic (6B2Đ)
19	Trần Thị Hạnh	102.5	108.54	105.52	HTXS	5 HSGTP 2NHI1B2KK, SK, Robocon , GVHD kể chuyện theo sách đạt giải 3 năm 2024
20	Nguyễn Vân Nhi	104.83	106	105.415	HTXS	SK, 31 HSG violympic tỉnh 4V8B7Đ12KK, 8 HSG Olympic 6B2Đ
21	Nguyễn Thị Nhung	102.75	108.04	105.395	HTXS	KHKT cấp TP, Sáng kiến cấp TP, GVHD kể chuyện theo sách đạt giải 3 năm 2024
22	Lê Thị Xuyên	104.25	106.25	105.25	HTXS	HS thi Olympic Địa 8: 1HCB, 3 HCD; HSG 9 (1 nhì, 2KK), Sáng kiến cấp TP
23	Vũ Thị Thanh Huế	101.8	108.475	105.1375	HTXS	Ôn HSG văn hoá Toán 9 cấp thành phố 7 giải(2 nhì, 3 ba, 2 KK), SK cấp TP, SK bạo lực học đường cấp TP.
24	Phan Thị Hoàng Mùi	104.1	106	105.05	HTXS	gv hướng dẫn hs đạt cấp quốc gia thi ATGT(giải 3 và giải KK)
25	Giang Thị Mua	102.25	107.79	105.02	HTXS	gv hướng dẫn hs đạt cấp tỉnh thi ATGT đạt sáng kiến cấp TP(làm chung), GVHD kể chuyện theo sách đạt giải 3 năm 2024
26	Phạm Thị Thanh Thuỷ	104	106	105	HTT	đạt sáng kiến cấp TP
27	Vũ Thị Hương	101.9	108	104.95	HTT	Ôn HSG cấp TP đạt (1 nhì, 2 giải 3, 3 giải kk),đạt sáng kiến cấp TP
28	Đinh Thị Nụ	102	107.775	104.8875	HTT	Đạt SK cấp TP / HSG cấp TP (2 Nhì, 5 Ba, 4 KK)
29	Nguyễn Thị Ngân	102	106.875	104.4375	HTT	8 HSGTP (1 nhất,1N,2B,4KK), SK
30	Đỗ Thị Chuyên	103	105.75	104.375	HTT	gv hướng dẫn hs đạt cấp quốc gia thi ATGT(giải nhất)
31	Bùi Thị Huyền	102	106.75	104.375	HTT	HSG 9 (3 ba, 2KK), HD HS viết SK bạo lực học đường cấp TP giải KK
32	Hoàng Thị T Thương	102.75	106	104.375	HTT	HSG Violympic Toán Tiếng Việt cấp tỉnh có 12 giải(1 V, 4 B, 5 đồng, 2 KK), hướng dẫn hs thi STTNND cấp tỉnh
33	Nguyễn Thị Thương	104.08	104.625	104.3525	HTT	4 HSGTP (1 nhất,2B,1KK), HSG violympic tỉnh, 6 HSG Olympic 1B5Đ
34	Nguyễn Thị Thu Hiền	103.08	105.625	104.3525	HTT	4 HSGTP (1nhất,2B,1KK), SK, 6 HSG Olympic 1B5Đ
35	Nguyễn Thị Phương Hằng	104.6	104	104.3	HTT	Phụ trách ôn Olympic môn Tiếng Anh năm học trước/ Phụ trách chung Hùng biện song ngữ

36	Hà Thị Thơm	103.33	105	104.165	HTT	HSG Violympic Toán Tiếng Anh cấp quốc gia có 6 giải(3 đồng, 3 KK), Olympic Toán 8(1v, 2b, 6đ)
37	Đỗ Thị Thúy	101.8	106.5	104.15	HTT	Sáng kiến cấp TP, Đạt giải tư Khoa học kỹ thuật cấp TP
38	Nguyễn Đăng Dung	103.25	104.9	104.075	HTT	Phụ trách Hùng biện song ngữ K7 (1 Giải nhất cấp TP)
39	Nguyễn Trọng Phúc	103.83	104.2	104.015	HTT	SK cấp TP, Olympic Toán 8(1v, 2b, 6đ)
40	Lê Thị Ái Vân	102	106	104	HTT	gv hướng dẫn hs đạt cấp tỉnh thi ATGT; đạt sáng kiến cấp TP(làm chung)
41	Hoàng Thị Lan	102.75	105.25	104	HTT	HS thi Olympic GDCD 8: 1HCB, HDHS thi ATGTQG giải KK
42	Cao Thị Thắm	101.25	106.475	103.8625	HTT	HSG cấp TP (2 Nhì, 5 Ba, 4 KK)/
43	Tiền Thị Thu Huyền	101.4	106.3	103.85	HTT	GVCN giỏi
44	Nguyễn Thị Thúy Hồng	103.3	104.3	103.8	HTT	
45	Lê Thị Ba	101.35	106.25	103.8	HTT	HSG Violympic Toán TA cấp quốc gia có 6 giải(1 bạc, 3 đồng, 2 KK) và Toán quốc tế hiện có 2 giải đồng quốc gia.
46	Nguyễn Thị Ngọc Lợi	102.5	105.04	103.77	HTT	Sáng kiến cấp TP, GVHD kể chuyện theo sách đạt giải 3 năm 2024
47	Đỗ Thị Quyền	102	105.25	103.625	HTT	Sáng kiến cấp TP
48	Phạm Thị Toan	102	105.25	103.625	HTT	KHKT cấp TP, Sáng kiến cấp TP
49	Nguyễn Thị Nhâm	103.08	104	103.54	HTT	SK, 6 HSG Olympic 1B5Đ
50	Lữ Văn Côi	103.5	103.55	103.525	HTT	
51	Bùi Đức Phương	102	105	103.5	HTT	SK
52	Lê Thị Thùy Dinh	103	104	103.5	HTT	KHKTPP
53	Hồ Thị Nga	103	104	103.5	HTT	Phụ trách Hùng biện song ngữ K8 (1 giải ba, 1 giải KK cấp TP)
54	Lê Thị Thanh Thơm	102	105	103.5	HTT	HSG Violympic Toán Tiếng Việt cấp quốc gia có 3 giải(2 đồng, 1 KK)
55	Trần Thị Thanh	101.9	105	103.45	HTT	KK thi ATGTQG
56	Phạm Văn Diễm	103	103.8	103.4	HTT	KHKT cấp thành phố
57	Lưu Thị Phương	102	104.625	103.3125	HTT	Ôn HSG văn hoá Toán 9 cấp thành phố 7 giải(2 nhì, 3 ba, 2 KK)
58	Nguyễn Thị Niên	102.55	104	103.275	HTT	
59	Lê Ngọc Hoàng	103.5	103	103.25	HTT	gv đạt cấp TP thi ATGT
60	Lê Thị Thảo	104	102.5	103.25	HTT	
61	Trịnh Thị Dung	103.58	102.85	103.215	HTT	HSG violympic tỉnh, 8 HSG Olympic
62	Phan Thị Tân	103.4	103	103.2	HTT	
63	Nguyễn Thị Kiều Trang	103.75	102.55	103.15	HTT	HS giỏi Olympic (1 HCB, 2 HCB)

64	Hà Thị Minh Phương	101.55	104.7	103.125	HTT	IOE K 9: cấp Tỉnh (3 Nhất/ 4 Nhì/ 5 Ba/4 KK)/ IOE cấp Quốc Gia (1 Vàng/ 2 Đồng / 3KK)
65	Lê Nữ Tường Vy	101.42	104.75	103.085	HTT	đạt sáng kiến cấp TP (làm chung)
66	Nguyễn Thị Minh Thi	101.75	104.35	103.05	HTT	SK, 23HSG violympic tỉnh 9V10B4Đ
67	Bùi Thị Hà	102.1	104	103.05	HTT	đạt sáng kiến cấp TP, hướng dẫn HS kể chuyện theo sách(giải KK) năm 2023
68	Ngô Thùy Ninh	102	104	103	HTT	đạt sáng kiến cấp TP
69	Vũ Thị Huế	103	103	103	HTT	
70	Phạm Thị Hồng Sánh	101.45	104.54	102.995	HTT	đạt sáng kiến cấp TP, GVHD kể chuyện theo sách đạt giải 3 năm 2024
71	Vũ Xuân Lộc	102.85	103.1	102.975	HTT	HSG violympic QG 1Đ
72	Phạm Thị Hồng Phương	102	103.85	102.925	HTT	IOE khối 7: cấp Tỉnh (6 Nhất/ 11 Nhì/ 16 Ba/18 KK)
73	Văn Thị Trang	101.75	104	102.875	HTT	IOE khối 6: cấp Tỉnh (9 Nhất/ 12 Nhì/ 10 Ba/22 KK)
74	Nguyễn Hữu Huyền	102.5	103	102.75	HTT	HSG violympic QG 1Đ
75	Nguyễn Thị Thoa	102.5	103	102.75	HTT	hướng dẫn HS kể chuyện theo sách giải KK năm 2023
76	Nguyễn Thị Tuyết Loan	102.4	103.04	102.72	HTT	hướng dẫn HS kể chuyện theo sách giải KK năm 2023 giải 3 năm 2024
77	Nguyễn Văn Phong	103.58	101.85	102.715	HTT	Olympic Toán 8(1v, 2b, 6đ)
78	Trần Văn Tùng	101.55	103.5	102.525	HTT	Ôn Toán quốc tế hiện có 2 giải đồng quốc gia.
79	Lê Thị Thu Trang	101.45	103.6	102.525	HTT	SK cấp TP
80	Đỗ Văn Khoát	102.5	102.5	102.5	HTT	
81	Nguyễn Thị Lê	102	103	102.5	HTT	
82	Nguyễn Đức Hưng	102.25	102.5	102.375	HTT	
83	Trần thi Châu	101.85	102.85	102.35	HTT	31 HSG violympic tỉnh 4V8B7Đ11KK
84	Hoàng Thị Hương	101.75	102.8	102.275	HTT	
85	Lê Đình Quyết	102.5	102	102.25	HTT	
86	Trần Sỹ Trinh	102.5	102	102.25	HTT	
87	Đỗ Đình Hoàng	100.95	103.5	102.225	HTT	gv đạt cấp TP thi ATGT
88	Lê Quang Cường	102.25	102	102.125	HTT	gv đạt cấp TP thi ATGT
89	Nguyễn Văn Thiện	102	102	102	HTT	
90	Trần Thị Lan	102	102	102	HTT	
91	Mai Thế Hải	101.95	101.85	101.9	HTT	
92	Lê Thị Lan Anh	101.8	102	101.9	HTT	
93	Bùi Thị Xuyên	101.75	102	101.875	HTT	

94	Nguyễn Thị Tuyết Anh	101.75	101.8	101.775	HTT	
95	Phan Thị Nguyệt	101.3	101.94	101.62	HTT	
96	Phạm Hồng Trường	102	101.15	101.575	HTT	HSG violympic Tỉnh 9V10B4Đ
97	Nguyễn Thị Bích Hương	104	99	101.5	HTT	Phụ trách ôn Olympic môn Tiếng Anh năm học trước
98	Nguyễn Văn Trù	102	100.6	101.3	HTT	
99	Phạm Thị Hằng	99.72	101.5	100.61	HTT	HSG Toán Tiếng Anh cấp tỉnh có 3 giải(4 Bạc)
100	Lê Hữu Hoàng	97.35	97.55	97.45	HTT	
101	Vũ Thị Ngọc Anh				HTXS	Đạt SK cấp thành phố, ôn HSG cấp thành phố môn Lịch sử
102	Hoàng Thị Hoa				HTT	Liên đội đạt giải KK ngày hội vui tết Trung thu cấp TP, giải 3 hội thi Nghi
103	Đinh Quốc Lập				HTT	thức đội cấp TP, liên đội đạt: Liên đội Mạnh
104	Phạm Thị Hoài				HTT	
105	Trần Thị Xuân Hồng				HTT	
106	Trương Thị Bích				HTT	
107	Lê Thị Hồng Nguyên				HTT	
108	Vũ Đức Tuấn				HTT	
109	Lê Thế Mạnh				HTT	
110	Nguyễn Thị Hồng				HTT	
111	Bùi Thị Nương				HTXS	2 sk cấp tp, GVCNG, có hs đạt giải 3 ATGT cấp tp

KQTĐ
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
LĐTT + BK thủ tướng CP
CSTĐCS

CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
LĐTT + BK UBND tỉnh
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
LĐTT + BK UBND tỉnh
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
CSTĐCS
UBTP
LĐTT + BK thủ tướng CP
UBTP
UBTP
CSTĐCS
UBTP

UBTP
CSTDCS
UBTP
CSTDCS
CSTDCS
UBTP
UBTP
UBTP
LDTT
UBTP
CSTØ
CSTØ
CSTØ
CSTØ
LDTT
CSTDCS
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
LDTT
UBTP
LDTT
UBTP
LDTT
UBTP

UBTP
CSTDCS
CSTDCS
CSTDCS
CSTDCS
LDTT
CSTDCS
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
UBTP
CSTDCS
LDTT
LDTT
LDTT
UBTP
LDTT
LDTT
LDTT
UBTP
UBTP
LDTT
LDTT

CSTĐCS
UBTP
CSTĐCS
LĐTT
LĐTT
LĐTT
LĐTT
LĐTT
LĐTT
CSTĐCS